

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/DS - ST**

Ngày: 15/7/2022

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST – DS, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: số 169, phố Đ, phường L, quận M, Thành phố N;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo ủy quyền: Bà G. Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện R, tỉnh P. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện R, tỉnh P. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Thương M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện R, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình thụ lý vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

- Ngày 26/5/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nay chuyển sang Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) có cho ông Phạm Văn C (sau đây viết tắt là ông C) vay vốn chính sách diện “Hộ mới thoát nghèo” với số tiền cho vay là 40.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Trồng cây điều; lãi suất vay: 0,6875%/tháng; lãi suất nợ quá hạn: 0,8937%/tháng; ngày cho vay (ngày giải ngân): 26/5/2017, thời hạn thanh toán nợ gốc cuối cùng là ngày 11/5/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã trả được số tiền lãi là 7.955.840 đồng. Sau đó, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi, nợ gốc theo hợp đồng đã ký kết, cụ thể: Kể từ kỳ trả lãi ngày 11/02/2021 trở về sau, ông C không trả lãi hàng tháng, cũng như quá trình kiểm tra xác định, bên được vay đã sử dụng vốn vay sai mục đích. Ngân hàng đã phối hợp với Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn, Đoàn Thanh niên xã và UBND xã Bù Nho nhiều lần liên hệ làm việc với ông C và bà Phạm Thị Thương M (bà M là vợ ông C đồng thời cũng là thành viên hộ gia đình đã ủy quyền cho ông C để cùng vay vốn) nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được nợ. Vì vậy nhằm đảm bảo nguồn vốn của Ngân hàng được sử dụng hiệu quả, không bị thất thoát. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông C và bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng theo khế ước nhận nợ ký kết vào ngày 26/5/2017, trong đó số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính tạm đến ngày 30/4/2022 là 8.450.036 đồng và phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 01/5/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thương M:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thương M. Theo đó căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 16/2022/TLST-DS ngày 03/3/2022, các giấy triệu tập đương sự làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nhưng bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo ủy quyền bà G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đồng thời bà Giang gửi văn bản đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn C bà Nguyễn Thị Thương M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính tạm đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) là 9.229.122 đồng và phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thương M vắng mặt (lần 02) không có lý do.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa trình bày:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Riềng.

**Các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn giao nộp gồm:* Hồ sơ pháp lý về thành lập, hoạt động; điều lệ của ngân hàng; các văn bản ủy quyền; hợp đồng tín dụng vay vốn và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vay của trường hợp ông C bà M....;

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:* Lời khai của đương sự là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; Biên bản xác minh việc cư trú của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Các tài liệu chứng cứ tố tụng khác kèm theo trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Phạm Văn C có nơi địa chỉ trú tại thôn Tân Phú, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng để yêu cầu trả số tiền nợ gốc đã

vay là 40.000.000 đồng và lãi suất. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước là đúng quy định.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thụ lý vụ án, vợ chồng ông C bà M đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không khai báo về việc tạm vắng với chính quyền địa phương, cũng như thông báo cho phía nguyên đơn Ngân hàng, trong khi phía bị đơn đang còn có nghĩa vụ dân sự cần thực hiện. Do đó chính quyền địa phương cũng như phía Ngân hàng không xác định được nơi cư trú thực tế hiện nay ông C bà M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp của ông C bà M là cố tình giấu địa chỉ về nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những địa điểm khác theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ (Lần thứ 02) nhưng bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M vẫn vắng mặt tại không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Căn cứ chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp là: *Sổ vay vốn (Mã khách hàng 7076691365)* ký kết giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước với ông Phạm Văn C (BL02); “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay*” được phê duyệt của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bù Gia Mập vào ngày 25/5/2017 (BL04). Đến ngày 26/5/2017, việc giải ngân vốn vay cho ông Phạm Văn C đã được phía Ngân hàng thực hiện trên cơ sở chứng cứ, tài liệu là “*Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dự nợ*” có chữ ký xác nhận của chữ ký kế toán Ngân hàng và bên vay là ông C (BL03). Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định: Ngày 25/5/2017, Ngân hàng có ký kết hợp đồng cho ông C vay vốn chính sách theo “Chương trình hộ thoát nghèo” với số tiền cho vay là 40.000.000 đồng; mục đích vay: Trồng cây điều; lãi suất vay: 0,6875%/tháng; lãi suất nợ quá hạn: 0,8937%/tháng; ngày cho vay (ngày giải ngân): 26/5/2017, thời hạn thanh toán nợ gốc cuối cùng là ngày 11/5/2022. Cũng trên cơ sở chứng cứ, tài liệu là “*Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay*” được phê duyệt của Ngân hàng

vào ngày 25/5/2017 (BL04) “Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dự nợ” có chữ ký xác nhận của chữ ký kế toán Ngân hàng và bên vay là ông C (BL 03); “*Giấy ủy quyền*” lập ngày 19/5/2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bù Nho, huyện Phú Riềng thể hiện nội dung bà Phạm Thị Thương M (vợ ông C) đã ủy quyền cho ông C đại diện cho hộ gia đình ký các hợp đồng vay vốn tín dụng tại Ngân hàng chính sách xã hội (BL05). Do đó có căn cứ xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng ông C bà M.

Xét về việc vi phạm hợp đồng của bên vay ông C bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thể hiện qua kiểm tra hồ sơ kế toán Ngân hàng, bên vay ông C bà M chỉ trả được số tiền lãi là 7.955.840 đồng. Kể từ kỳ trả lãi ngày 11/02/2021 trở về sau, ông C không trả lãi hàng tháng, cũng như sử dụng vốn vay sai mục đích, nay đã bỏ đi khỏi địa phương. Căn cứ vào nội dung biên bản làm việc ngày 04/10/2021 (BL23) xác định: Qua kiểm tra thực tế hộ vay (hộ ông C bà M) sử dụng vốn sai mục đích, đã bỏ đi khỏi địa phương. Như vậy có cơ sở xác định việc người đại diện hợp pháp nguyên đơn cho rằng bên vay tức hộ ông C bà M đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán lãi, nợ gốc và sử dụng vốn vay sai mục đích là có cơ sở. Đối chiếu các thỏa thuận quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận ký tại Sổ vay vốn (*Mã khách hàng 7076691365*) thì phía bị đơn ông C (tức bên vay) đã vi phạm điểm b, c tiểu mục 2,2 Mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của hộ vay. Như vậy đến nay đã vi phạm về nghĩa vụ trả lãi, nợ gốc theo thỏa thuận đã ký kết. Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu thu hồi khoản nợ đối với ông C bà M là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng gồm: Số tiền vay nợ gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 15/7/2022 là: 9.229.122 đồng, trong đó: lãi suất trong hạn là 8.994.086 đồng và lãi suất nợ quá hạn là 235.036 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi suất mà ông C bà M có nghĩa vụ trả 49.229.122 đồng. Ngoài ra cần buộc ông C bà Thương còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông C bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Do bà G, Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Riềng làm người đại diện theo ủy quyền.

Buộc bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thương M phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước số tiền 49.229.122 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, một trăm hai mươi hai đồng), trong đó gồm: tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) là 9.229.122 đồng (Chín triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn một trăm hai mươi hai).

Kể từ ngày 16/7/2022, ông C bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị Thương M phải chịu 2.461.450 đồng (Hai triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng